

Số: 695/BC-UBND

An Giang, ngày 04 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước từ năm 2016 đến 31/10/2019

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG

ĐẾN

Ngày: 04/11/19
Số: 1961
Chuyển: 04/11/19
Lưu Hồ Sơ: DC-UBND

Thực hiện Kế hoạch số 22/KH-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp cuối năm 2019 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các cơ quan nhà nước từ năm 2016 đến ngày 31/10/2019, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai, thực hiện các văn bản của Trung ương, tỉnh về ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền như sau:

- Quyết định 107/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 về phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước năm 2016 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 1.0.

- Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 về thành lập Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh An Giang; Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 về Quy chế hoạt động Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh An Giang.

- Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 về phê duyệt Khung Đề án An Giang điện tử giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 về ban hành Quy chế tiếp nhận và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 02/5/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

- Kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 26/6/2019 về thực hiện Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Kết quả thực hiện ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

2.1. Hạ tầng CNTT: Đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước. Mạng nội bộ (LAN) được triển khai ở tất cả các sở, ban,

ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ công chức trong tỉnh đạt trên 97%.

2.2. Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành:

a) Xây dựng Chính quyền điện tử:

* **Phê duyệt, triển khai Đề án An Giang điện tử phù hợp với Khung kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh:** Ban hành Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 về phê duyệt khung Đề án An Giang điện tử giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức Hội nghị công bố khung Đề án An Giang điện tử và hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án. Các ngành, địa phương đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án.

* **Xây dựng hoàn chỉnh trục kết nối (ESB):** Xây dựng trục kết nối Hệ thống phần mềm một cửa tỉnh với các CSDL chuyên ngành trên địa bàn tỉnh để thuận lợi cho cán bộ, công chức trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, cụ thể: kết nối với CSDL Hộ kinh doanh, CSDL quản lý đất đai một cấp và đang kết nối CSDL hộ tịch, CSDL lý lịch tư pháp của Bộ Tư pháp thông qua trục kết nối quốc gia LGSP.

* **Cổng Dịch vụ công trực tuyến:**

- Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được vận hành chính thức ngày 15/10/2017 tại địa chỉ <https://dichvucong.angiang.gov.vn>. Các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến (18/18 sở, ngành có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); 11/11 UBND cấp huyện, 156/156 UBND cấp xã đã tích hợp thông tin tình trạng hồ sơ vào trang một cửa trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc tra cứu tình trạng hồ sơ khi gửi hồ sơ trực tuyến hoặc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của các cơ quan trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc nhắn tin tra cứu tình trạng hồ sơ.

- Đến nay thực hiện cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): 2.754 dịch vụ, trong đó: Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2: 1.395 dịch vụ; tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 704 dịch vụ; tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 656 dịch vụ. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn: 97 %.

- Cập nhật quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến. Một số đơn vị vừa sử dụng Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh và phần mềm một cửa do Bộ chuyên ngành triển khai, quản lý và giải quyết thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tư pháp.

- VietinBank đã triển khai dịch vụ thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, để tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; dịch vụ thanh toán trực tiếp của VietinBank tích hợp, kết nối vào Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Thực hiện hợp tác với Zalo để tạo kênh tương tác với người dân và doanh nghiệp; trao đổi thông tin, tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trên zalo.

* **Phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng:** Tỉnh đã triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung cho tất cả các cơ

quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã sử dụng chung và liên thông trực văn bản quốc gia đảm bảo văn bản đều trao đổi trên môi trường mạng thông suốt. Đến nay, toàn tỉnh đảm bảo 100% cơ quan nhà nước, đoàn thể đều gửi nhận trên môi trường mạng.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh đã tích hợp chữ ký số để phát hành văn bản điện tử ký số đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo tính pháp lý của văn bản trên môi trường mạng góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại, giấy tờ của các đơn vị.

*** Hệ thống thư điện tử công vụ:** Đã cấp trên 14.000 tài khoản thư điện tử cho các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức sử dụng trao đổi công việc đúng theo Quyết định 63/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh. Tỷ lệ trung bình lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử để trao đổi công việc: Lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh: 93,6%; lãnh đạo các cơ quan cấp huyện: 84%; cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan cấp tỉnh: 90%; CBCCV các cơ quan cấp huyện: 85%.

*** Quản lý và sử dụng chữ ký số:** 100% các cơ quan được cấp chứng thư số có văn bản giao văn thư thực hiện quản lý và sử dụng chứng thư số để ký số văn bản điện tử theo đúng Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016.

*** Cổng Thông tin điện tử (TTĐT):** Tất cả các đơn vị đều có Cổng thông tin thành phần nhằm phổ biến các cơ chế, chính sách, tình hình hoạt động và cung cấp các dịch vụ công đến người dân và doanh nghiệp. Cổng thông tin thành phần của các đơn vị đều truy cập tốt và ổn định. Tất cả Cổng thông tin thành phần đã được nâng cấp lên phiên bản mới nhất Portal 8.5 và tin bài được cập nhật liên tục, thường xuyên. Số lượng truy cập vào Trang thông tin điện tử của tỉnh từ tháng 12/2018 đến nay trên 4,9 triệu truy cập.

*** Xây dựng cơ sở dữ liệu người dùng:** Tỉnh đang thiết lập hệ thống đăng nhập 01 lần, để thuận tiện cho cán bộ, công chức, viên chức thuận tiện trong đăng nhập, sử dụng các hệ thống phần mềm trên địa bàn tỉnh; từng bước xây dựng và thiết lập CSDL người dùng tham gia giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

*** Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến:** Duy trì, phát triển hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện bằng hình thức thuê dịch vụ, nhiều địa phương đã đầu tư hệ thống đến cấp xã.

*** Kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng:** 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Nâng cao chất lượng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Ứng dụng CNTT vào cải cách hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp:

*** Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích:** Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI), các cơ quan, đơn vị thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đã ký hợp đồng với doanh nghiệp bưu chính công ích để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định. Từ

ngày 01/01/2017 đến 31/8/2019, số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích là 85.513 hồ sơ, tổng số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 36.656 hồ sơ; tổng số hồ sơ vừa tiếp nhận và đồng thời trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là trên 3.200 hồ sơ. Riêng đầu năm 2019 đến tháng 8/2019 tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trả qua đường bưu điện là 184.655 hồ sơ, trong đó tiếp nhận và trả kết quả là 12.450 hồ sơ.

*** Hệ thống phần mềm Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với công chức một cửa và sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và công bố thông tin:** Triển khai Hệ thống phần mềm Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với công chức một cửa và sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến xã đã được triển khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại 156 xã, phường, thị trấn để minh bạch thông tin cấp xã và tăng cường kiểm tra, giám sát tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

*** Chuyên mục “Công nghệ thông tin và truyền thông”:** Hằng tháng, trên Đài Truyền hình An Giang đều tuyên truyền, phổ biến cho người dân và tổ chức biết và ứng dụng rộng rãi các dịch vụ công trực tuyến; phổ biến, hướng dẫn về các tiện ích khi sử dụng, quy chế vận hành ứng dụng CNTT và truyền thông.

*** Triển khai thí điểm phát sóng wifi công cộng:** Đã triển khai thí điểm phát sóng wifi công cộng với hình thức xã hội hóa tại khu vực Tượng đài Bác Tôn Đức Thắng; lắp đặt hệ thống Wifi public phủ sóng toàn khu lưu niệm và lắp hệ thống Camera nhằm đảm bảo an ninh cho du khách và truyền hình ảnh trực tiếp toàn bộ buổi Lễ kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng.

c) Công tác phát triển nguồn nhân lực: Tỉnh tổ chức chương trình “Diễn tập An toàn thông tin mạng” cho các thành viên đội ứng cứu An toàn Thông tin, Phòng An ninh Kinh tế PA 81-Công an tỉnh với nội dung điều tra xử lý và phòng chống mã độc đào tiền ảo qua lỗ hổng phần mềm; trực tuyến trên hệ thống Wargame 2.0 của diễn đàn WhiteHat.vn. Các đơn vị trường học ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, giảng dạy như quản lý học sinh, phiếu liên lạc điện tử; ngân hàng đề thi và ứng dụng kiểm tra khách quan; e-learning... Bên cạnh đó, các trường học từ bậc tiểu học đến Trung học phổ thông có giảng dạy về tin học, trong đó bậc THPT được 51/51 trường, bậc THCS được 156/156 trường. Ngoài ra, còn có Trường Đại học An Giang, Trường Cao đẳng nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên và các trung tâm đào tạo về tin học như NIIT,... có đào tạo ngành CNTT từ bậc trung cấp đến đại học, đây cũng là nguồn bổ sung nhân lực CNTT cho tỉnh. Hầu hết, cán bộ công chức trong cơ quan nhà nước biết sử dụng máy tính phục vụ công việc.

Nhân lực quản trị chuyên trách CNTT cho các đơn vị triển khai ứng dụng là 106 người đều có trình độ từ đại học trở lên (90% có trình độ đại học chuyên ngành CNTT). Tuy nhiên, đa phần còn phải kiêm nhiệm nhiều việc, chế độ, chính sách chưa thu hút được nguồn nhân lực CNTT, chưa có đội ngũ cán bộ chuyên sâu về an toàn thông tin. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng Kiến thức An toàn thông tin cho 139 cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.3. Ứng dụng CNTT khối Đoàn thể:

Hiện nay, hầu hết các cơ quan Đoàn thể trên địa bàn tỉnh đều sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng để xử lý công việc và liên thông từ tỉnh đến huyện, đến xã. Bên cạnh đó, cơ quan đoàn thể sử dụng các phần mềm quản lý nghiệp vụ chuyên ngành như quản lý kế toán, khai báo thuế qua mạng, sử dụng chữ ký điện tử trong giao dịch,... cụ thể:

a) **Tỉnh đoàn:** Thực hiện gửi, nhận văn bản giữa Tỉnh đoàn và Trung ương Đoàn thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành do Trung ương đoàn triển khai; việc ứng dụng CNTT được quan tâm thực hiện như họp trực tuyến giữa Tỉnh đoàn và các huyện đoàn; giao dịch điện tử với Kho bạc, thanh toán bảo hiểm xã hội.... Ngoài ra, Tỉnh Đoàn đang xây dựng phần mềm nghiệp vụ Đoàn; thực hiện thông tin tuyên truyền, phổ biến, triển khai các giải pháp và hoạt động hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, trang bị kiến thức, kỹ năng, hiểu biết về lợi ích của thương mại điện tử, góp phần nâng cao nhận thức và ứng dụng thương mại điện tử đối với thanh niên trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội thi Tin học khối Cán bộ Công chức trẻ nhằm tuyên truyền và nâng cao việc ứng dụng CNTT vào cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước; phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thi Tin học trẻ dành cho học sinh giúp các em phát triển khả năng tư duy, kiến thức tin học. Phát động trong Đoàn viên thanh niên tham gia viết các ý tưởng sáng tạo và cập nhật lên ngân hàng ý tưởng sáng tạo của Trung ương Đoàn. Tỉnh Đoàn đã xây dựng trang Fanpage của Đoàn, Hội, Đội để thông tin tuyên truyền rộng rãi trong đoàn viên thanh niên về các hoạt động của Đoàn, Hội, Đội trong tỉnh và khu vực, Trung ương Đoàn; đẩy mạnh tuyên truyền trên các trang mạng xã hội việc ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

b) **Hội Nông dân:** Triển khai thực hiện hoàn thành dự án “Ứng dụng CNTT quản lý cán bộ, hội viên và xây dựng cơ sở dữ liệu Hội Nông dân trên địa bàn tỉnh” giai đoạn 2017-2018 và ra mắt trang mạng Zalo “Kết nối thông tin giữa tổ chức Hội Nông dân với nông dân giỏi, các hình thức kinh tế hợp tác, giai đoạn 2019-2022” thu hút được trên 100 lượt cán bộ Hội cấp tỉnh, huyện, xã quan tâm sử dụng đã đóng góp tích cực cho triển khai các ứng dụng liên quan đến thương mại điện tử đến người dân vùng nông thôn.

c) **Liên đoàn Lao động tỉnh:** 100% xử lý trên phần mềm quản lý công đoàn viên liên thông từ Trung ương đến địa phương; phần mềm chỉ đạo điều hành và quản lý văn bản thông suốt từ tỉnh đến huyện,... và 100% cán bộ, công chức, viên chức đều sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đến cấp xã.

2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực

a) Lĩnh vực du lịch

- Phần mềm quản lý và quảng bá du lịch trên địa bàn tỉnh, phần mềm quản lý đăng ký lưu trú đã được UBND tỉnh cho phép triển khai thí điểm, ứng dụng du lịch thông minh, cung cấp thông tin các điểm mua sắm với mức giá cụ thể, hệ thống khách sạn, nhà hàng, các điểm ăn uống, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bán sản phẩm đặc trưng của địa phương, các làng nghề truyền thống, cây dược liệu,... Phần mềm còn nhận diện và thống kê lượng khách viếng thăm khu, điểm du lịch. Hệ thống camera giám sát và quảng bá trực tuyến các điểm, khu du lịch trên địa

bàn tính đã được triển khai, có trung tâm giám sát, điều hành, đã phát huy hiệu quả.

b) Lĩnh vực nông nghiệp

- Ngành nông nghiệp triển khai nhiều mô hình nông nghiệp thông minh, quản lý truy xuất nguồn gốc, cụ thể đã có 47 doanh nghiệp thực hiện liên kết cánh đồng lớn thông qua 19 hợp tác xã, 31 tổ hợp tác và các hộ nông dân với diện tích hơn 33.500 ha (như: vùng nguyên liệu nếp 25.000 ha, vùng chuyên canh xoài 3 màu theo tiêu chuẩn VietGAP, chuyên canh trồng chuối cây mô, vùng chăn nuôi heo theo hướng công nghệ cao...); hỗ trợ thực hiện trên 40 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hướng đến nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững gắn liền với ứng phó đề thích nghi với biến đổi khí hậu... cùng với ứng dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất nông nghiệp như: mô hình sản xuất nông nghiệp dựa lưới bằng việc sử dụng giải pháp chuỗi cung ứng nông nghiệp - công nghệ cao với Module nông nghiệp công nghệ cao và truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm dựa lưới. Một số phần mềm ứng dụng tại địa phương như: Hệ thống cảnh báo cháy rừng, quản lý dịch bệnh trên nông sản, phần mềm cập nhật giá nông sản và nhu cầu thị trường, quản lý mực nước, quản lý nông dược tại các cửa hàng nông dược và phần mềm xem và đặt hàng nông dược trực tuyến; phần mềm quản lý nông trại chăn nuôi và cảnh báo môi trường nơi trang trại; hệ thống tưới và tự động và giám sát từ xa qua thiết bị thông minh; phần mềm giám sát môi trường, giám sát kho sản phẩm, trang trại vật nuôi, kho nguyên liệu, cơ sở chế biến, giám sát các thông số như: nhiệt độ, độ ẩm, điều kiện chiếu sáng, an ninh cháy nổ, hệ thống pha chế nông dược và phun xịt từ xa; cảnh báo thiên tai, lũ lụt...

- Công tác hỗ trợ các dự án nông nghiệp, thủy sản thông minh trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm: Dự án đang thực hiện mô hình trồng cam xoàn ứng dụng công nghệ 4.0, sử dụng các cảm biến tự động (đo nhiệt độ, độ ẩm) tại huyện Châu Phú; dự án Trồng nấm linh chi ứng dụng công nghệ 4.0 tại huyện Thoại Sơn; mô hình Trồng dâu tằm kết hợp du lịch sinh thái có ứng dụng công nghệ cao tại xã Mỹ Khánh (TP. Long Xuyên); ứng dụng công nghệ tưới thông minh kết hợp hệ thống tưới tự động cho cây dâu tằm; mô hình Tôm càng xanh thích ứng biến đổi khí hậu tại huyện Thoại Sơn...

c) Lĩnh vực an ninh - quốc phòng

- Tỉnh triển khai lắp đặt hơn 10.841 camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông, trong đó người dân, doanh nghiệp lắp hơn 8192 camera, hơn 2649 camera thuộc quản lý nhà nước; đã và đang triển khai 3 trung tâm giám sát, điều hành tại TP. Long Xuyên, huyện Châu Phú và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, cụ thể: TP. Long Xuyên có 8/13 xã, phường thực hiện mô hình camera an ninh với 286 camera; huyện Châu Phú: 380 camera; xã Tân Hòa - huyện Phú Tân: 20 camera; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 40 camera; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: 79 camera. Đang triển khai khảo sát để lắp đặt tại các trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự, an toàn giao thông thuộc Châu Đốc, Tri Tôn, Chợ Mới, Phú Tân. Ngoài ra, các đơn vị đã triển khai phần mềm quản lý đối tượng tội phạm và nghi vấn, CSDL về dân cư, phần mềm quản lý tai nạn giao thông và phần mềm đăng ký quản lý phương tiện giao thông...

- Ứng dụng công nghệ Bộ đàm 4G trong lúc điều hành, tác nghiệp, xử lý một cách nhanh chóng. Tuyến biên giới huyện Tịnh Biên đã trang bị hệ thống camera giám sát tuyến biên giới, cửa khẩu, phần mềm thống kê và nhận dạng người qua lại cửa khẩu, passport điện tử, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

d) Lĩnh vực quản lý môi trường

- Lĩnh vực đất đai: Ứng dụng phần mềm MicroStation SE theo quy định của ngành để quản lý, chỉnh lý và cập nhật bản đồ số, mapinfo; phần mềm quản lý tài nguyên và môi trường, hệ thống quản lý thông tin đất đai cấp huyện (Vilis)... qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn, đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo đảm công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Về lĩnh vực khoáng sản: định vị vị trí thửa đất (GPS); xác định mức độ phù hợp với quy hoạch khoáng sản (phần mềm MicroStation).

- Phần mềm “Hệ thống quản lý môi trường ngành xây dựng” được đưa vào vận hành với chức năng quản lý toàn bộ các số liệu của tỉnh về hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh đô thị, chất thải rắn,... Ngoài ra, phần mềm một cấp của Sở Tài nguyên và Môi trường sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

đ) Lĩnh vực quy hoạch đô thị

- Các phần mềm quản lý thanh tra khiếu nại tố cáo, quản lý dự án đầu tư, quản lý giao và thuê đất, phần mềm quản lý kho, quản lý CSDL hồ sơ đất đai đã được xây dựng và chuyển giao cho các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình “Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tại thành phố Châu Đốc” và công trình “Thử nghiệm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai huyện Châu Thành theo mô hình tập trung tại tỉnh” vận hành trên phần mềm Quản lý Vilis.

- Phần mềm Quản lý dự án bồi thường - Giải phóng mặt bằng đã được xây dựng và chuyển giao cho đơn vị chuyên môn.

- Các trang thông tin điện tử chuyên ngành đã đưa vào sử dụng như: Mua bán bất động sản đã được triển khai phục vụ Đề án tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2020; Trang Quản lý công việc phục vụ công tác giám sát, theo dõi, quản lý công việc của lãnh đạo Sở đang được triển khai thực hiện; Trang tư vấn thủ tục hành chính trực tuyến; Trang trao đổi thông tin sở và cán bộ địa chính xã. Ngoài ra, tỉnh đã ứng dụng phần mềm công báo công khai bản đồ quy hoạch tại địa chỉ: <http://thongtincanthiet.angiang.gov.vn/View/bandohuyen.aspx?iddonvi=34>

e) Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- 100% cán bộ, công chức ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sử dụng hệ thống e-mail phục vụ công vụ (tên miền gov, edu); việc khai thác tài nguyên trên các trang tin của Bộ GDĐT được thực hiện thường xuyên.

- Hệ thống các phần mềm quản lý do Sở GDĐT đầu tư hoặc do Bộ GDĐT triển khai đang được khai thác khá hiệu quả như: Phần mềm quản lý thiết bị, quản lý tài sản; hệ thống quản lý thông tin giáo dục; hệ thống quản lý và điều hành văn

bản trên môi trường mạng; hệ thống phần mềm quản lý thư viện trực tuyến, hệ thống phần mềm quản lý tài sản, quản lý thiết bị, quản lý nhân sự.

- Các đơn vị trường học ứng dụng CNTT phục vụ quản lý, giảng dạy như quản lý học sinh, phiếu liên lạc điện tử; ngân hàng đề thi và ứng dụng kiểm tra khách quan; e-learning... ngành GDĐT còn phát động phong trào tự nghiên cứu, tự học để nâng cao kiến thức về CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên; qua đó, xây dựng và bồi dưỡng lực lượng nòng cốt, chuyên trách về CNTT để tổ chức các lớp tập huấn cho toàn thể giáo viên các trường, cơ sở giáo dục.

- Sở GDĐT đang phối hợp cùng trường Đại học An Giang hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành cùng các công cụ để khai thác, phục vụ công tác quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chung của ngành GDĐT (Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh - UBND tỉnh phê duyệt đầu tư theo QĐ số 3442/QĐ-UBND ngày 05/12/2016).

- Ứng dụng phần mềm EMIS vào công tác quản lý viên chức ngành giáo dục. Phần mềm quản lý số liệu phổ cập giáo dục - xóa mù chữ. Phần mềm cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục. Xây dựng Cổng thông tin điện tử của Phòng GDĐT và các cổng thành phần của các trường THPT, THCS, tiểu học, mầm non trên địa bàn huyện cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin của ngành.

Hầu hết các trường học kết nối internet; việc ứng dụng CNTT trong quản lý ngành giáo dục và quản lý học sinh được tích cực triển khai, giúp nhà trường, phụ huynh học sinh kịp thời nắm bắt tình hình học tập của học sinh.

g) Lĩnh vực y tế

- UBND tỉnh An Giang phê duyệt Đề án “Ứng dụng khoa học và công nghệ (Telehealth) vào công tác hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”, các trang thiết bị đã được triển khai cho hệ thống Intouch Health. Ngành Y tế đã triển khai thực hiện ứng dụng chương trình Zoom Cloud Meeting để tập huấn, giao ban trực tuyến hàng tháng với các đơn vị y tế tỉnh, huyện.

Ngoài ra, các đơn vị y tế cấp huyện còn triển khai sử dụng các phần mềm ứng dụng như sau: Phần mềm quản lý chứng chỉ hành nghề; phần mềm thống kê báo cáo sốt xuất huyết Dengue; phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế; phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia; phần mềm Vitimes dùng quản lý đối tượng trong chương trình chống Lao Quốc gia; phần mềm HIV info 3.1 quản lý đối tượng HIV/AIDS; phần mềm quản lý tài sản Bộ Y tế; Chương trình thống kê chi phí khám chữa bệnh và thanh quyết toán BHYT; phần mềm giao dịch điện tử Bảo hiểm xã hội VNPT-BHXH; phần mềm quản lý nhân sự.

- Hầu hết các bệnh viện trên địa bàn tỉnh đều triển khai phần mềm quản lý bệnh viện, khám chữa bệnh (VNPT-HIS) đến các cơ sở khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT trên địa bàn tỉnh, hệ thống được triển khai đồng bộ và liên thông dữ liệu khám chữa bệnh từ huyện đến xã giúp phục vụ thanh toán viện phí cho bệnh nhân nhanh, chính xác, quản lý viện phí, thuốc, thực hiện đúng giá viện phí theo quy định của Bộ Y tế và đáp ứng được yêu cầu thanh, quyết toán BHYT... giám sát được quá trình khám bệnh theo thẻ BHYT. Bên cạnh đó, việc triển khai bệnh án điện tử đã thành công tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tại thành phố Châu Đốc, hiện

đang được xem để nhân rộng và qua đó góp phần số hóa điện tử trong ngành y tế đồng thời giúp chia sẻ thông tin về bệnh án từ tuyến huyện lên tỉnh.

h) Lĩnh vực giao thông

- Sở Giao thông vận tải (GTVT) đã tạo một fanpage (trang): “Tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị đề xuất và trả lời người dân, doanh nghiệp” địa chỉ <https://www.facebook.com/sogtvttag/> để tiếp nhận những thông tin, bài viết, hình ảnh, video clip phản ánh, phản hồi trong đó có nội dung tiếp thu phản ánh, kiến nghị, đề xuất về công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Cùng cô Kênh youtube “Sở GTVT tỉnh An Giang” để kết hợp với Cổng thông tin điện tử, Mạng xã hội facebook cơ quan đẩy mạnh các hoạt động và đa dạng hóa hình thức tuyên truyền qua Internet. Sở GTVT đã lập trang Zalo: Thủ tục hành chính Giao thông An Giang để Bộ phận đăng ký trực tuyến thủ tục hành chính có thêm phương thức, công cụ giao tiếp, hướng dẫn và giải đáp trực tuyến thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp;

- Gần 01 năm hoạt động, mạng xã hội Facebook, Youtube Sở GTVT đã kết nối với hơn 1.500 người, trung bình hàng tuần có 04 bản tin, bài viết, Video_clip; số lượt người xem mỗi thông tin từ 350 đến hơn 2.300 lượt và có nhiều chia sẻ trên mạng xã hội.

Ngành GTVT triển khai nhiều phần mềm quản lý chuyên ngành như: phần mềm Quản lý đào tạo, sát hạch, cấp đổi Giấy phép lái xe kết nối máy chủ Tổng cục Đường bộ Việt Nam; phần mềm Quản lý vận tải đường bộ (cấp phép kinh doanh, cấp phù hiệu vận tải, liên vận quốc tế); phần mềm quản lý đào tạo thuyền, máy trường tàu sông, thuyền viên người điều khiển phương tiện thủy nội địa kết nối máy chủ Trung tâm tin học Bộ GTVT; phần mềm Quản lý vận tải đường bộ trên Cổng thông tin Một cửa Quốc gia, Một cửa ASIAN (đang triển khai)

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT triển khai vận hành phần mềm kết nối hệ thống của Tổng cục, cục quản lý chuyên ngành Bộ GTVT như phần mềm quản lý đào tạo, sát hạch lái xe; Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ vận hành hệ thống kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ; phần mềm Quản lý, khai thác bến xe.

i) Một số lĩnh vực khác theo yêu cầu kinh tế - xã hội

- Ban Quản lý các khu kinh tế: Thực hiện việc khai báo các thông tin cấp phép mới, cấp điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trên Cổng Thông tin Quốc gia về Đầu tư nước ngoài của Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ngành Thanh tra: Đổi mới trong quản lý các thông tin tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo, việc đưa vào triển khai sử dụng Hệ thống này bước đầu đã mang lại nhiều hiệu quả cho việc phát triển ngành thanh tra, cụ thể các cấp, các ngành, các cơ quan từ Trung ương đến địa phương đều có thể tra cứu thông tin các hồ sơ, vụ việc khiếu nại của người dân được kịp thời, mọi lúc, mọi nơi, thống nhất trong xử lý thông tin, góp phần công khai minh bạch trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Sở Ngoại vụ: Xây dựng 2 phần mềm đặc thù của ngành là phần mềm Quản lý Lãnh sự (triển khai năm 2016) và phần mềm Quản lý Cơ sở dữ liệu Việt kiều,

kiều bào và công dân An Giang đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (triển khai năm 2014).

- Sở Nội vụ: Triển khai các Đề án Xây dựng phần mềm đánh giá chấm điểm chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang; Đề án Xây dựng Phần mềm thông tin báo cáo, quản lý cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh An Giang; Dự án Đầu tư trang thiết bị làm việc cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020; Dự án Nâng cấp, mở rộng trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT tại Sở Nội vụ; Hệ thống quản lý dữ liệu về cán bộ, công chức; Dự án Ứng dụng CNTT trong quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; triển khai, vận hành Hệ thống phần mềm thông tin, báo cáo, quản lý cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh An Giang.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Triển khai phần mềm Quản lý các khu mộ trong nghĩa trang liệt sĩ, phần mềm Quản lý đối tượng cai nghiện, phần mềm dùng chung quản lý đối tượng chính sách và Kho dữ liệu liên quan đến ngành thống kê tại UBND huyện Tịnh Biên.

- Sở Tư pháp: Triển khai các phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành Tư pháp tỉnh An Giang; phần mềm Quản lý tài sản của Sở Tư pháp; Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch; phần mềm Công cụ quản lý hồ sơ quốc tịch cho Sở Tư pháp; Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu hợp đồng giao dịch công chứng về nhà đất và cơ sở dữ liệu tài sản ngăn chặn; Dự án Đầu tư máy tính, trang thiết bị và chuyển đổi dữ liệu hộ tịch.

- Sở Công thương: Ứng dụng CNTT trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm như rau quả và thịt heo trên địa bàn, qua đó tạo sự an tâm về nguồn gốc sản phẩm rõ ràng cho người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Phần mềm Quản lý nhãn hiệu hàng hóa đang triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kết quả các đề tài, dự án trên toàn tỉnh và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về năng suất lao động để theo dõi tình hình thực hiện và phân tích, đánh giá, dự báo.

- Sở Tài chính: Triển khai đầy đủ các phần mềm của Bộ Tài chính chuyên giao và đưa vào sử dụng nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý, điều hành, tổng hợp của ngành tài chính được nhanh chóng, cụ thể: Phần mềm cung cấp dịch vụ công mức độ 4; Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS). Bên cạnh đó, Sở đưa vào vận hành 03 phần mềm ứng dụng (quyết toán dự án hoàn thành, quản lý giá và theo dõi kết quả thực hiện thanh tra, kiểm tra) nhằm hỗ trợ CBCCC các phòng chuyên môn trong công tác quản lý, tham mưu đề xuất kết quả tốt hơn.

Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Được triển khai nhằm hỗ trợ các đơn vị có nhu cầu cấp mã số đơn vị có quan hệ với Ngân sách. Từ năm 2016, hệ thống này được nâng cấp lên dịch công trực tuyến mức độ 4, nhằm phục vụ tốt hơn cho các đơn vị khi có nhu cầu đăng ký mã số. Một số phần mềm khác được triển khai như: Phần mềm Quản lý ngân sách nhà nước (QLNS); Phần mềm Quản lý Giá và Đăng ký tài sản nhà nước; phần mềm Quản lý cụm tuyến dân cư vượt lũ ...

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Triển khai Dự án Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống Hộ kinh doanh tỉnh An Giang. Trong công tác Đăng ký kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp Sở Kế hoạch và Đầu tư đang sử dụng các phần mềm liên thông từ Cục Đăng ký kinh doanh như: phần mềm Đăng ký doanh nghiệp kinh doanh quốc gia, đăng ký hộ kinh doanh cá thể và đăng ký hợp tác xã, tất cả các phần mềm trên được Sở Kế hoạch và Đầu tư sử dụng một cách hiệu quả và nhanh chóng, qua đó góp phần rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp.

- Ngành Thuế: Sử dụng phần mềm Quản lý Thuế tập trung (TMS) kết nối trực tiếp từ Chi cục Thuế - Tổng cục Thuế. Ngoài ra, còn các phần mềm phục vụ cho công tác chuyên môn khác như: ứng dụng Thanh tra kiểm tra (TTR), ứng dụng Kiểm tra nội bộ (KTNB), ứng dụng Báo cáo tài chính, ứng dụng Quản lý trước bạ nhà đất, ứng dụng Quản lý ấn chỉ. 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đăng ký khai báo thuế qua mạng; hải quan tỉnh cũng thực hiện thông quan điện tử, đã giúp người dân và doanh nghiệp tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí khi phải giải quyết thủ tục.

II. NHẬN XÉT

1. Những việc làm được

- Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được UBND tỉnh, các cấp, các ngành quan tâm thực hiện mạnh mẽ như: phần mềm Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng, thư điện tử, ứng dụng CNTT trong giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, tiếp nhận hồ sơ và xử lý qua mạng internet,... các dự án, đề án, kế hoạch đã được đầu tư và đẩy nhanh tiến độ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Ứng dụng CNTT vào cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai thực hiện khá tốt, kết quả trả hồ sơ của các cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về mặt thời gian; việc công khai minh bạch tài liệu, số liệu, thủ tục hành chính và các văn bản khác bằng nhiều hình thức được các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc. Bên cạnh đó, việc triển khai trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính đã mang lại hiệu quả thiết thực và được người dân đánh giá cao.

- Công thông tin điện tử của tỉnh và các công thông tin thành phần vận hành tốt, cập nhật các thông tin và hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tìm hiểu và nắm bắt thông tin, chủ trương của cơ quan nhà nước tại địa phương để thực hiện đúng quy định. Việc triển khai ứng dụng dịch vụ công trên công thông tin điện tử được các cấp lãnh đạo quan tâm và phối hợp đăng ký thực hiện nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

- Ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử đạt hiệu quả cao góp phần đảm bảo an toàn thông tin khi gửi nhận văn bản trên môi trường mạng; tình hình an toàn thông tin được lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quan tâm, cải thiện; nhiều sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố đã ban hành quy chế an toàn thông tin nội bộ, trang bị máy tính dự thảo văn bản có tính mật, phần mềm diệt virus có bản quyền.

- Các yếu tố phát huy hiệu quả của Chính phủ điện tử, hướng đến xã hội điện tử ngày càng được hoàn thiện: Hạ tầng viễn thông, CNTT trong tỉnh đáp ứng cơ bản yêu cầu kết nối; đa số người sử dụng dịch vụ viễn thông có sử dụng thiết bị thông minh. Các lĩnh vực từ kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh; các

hoạt động từ quản lý sản xuất kinh doanh, quản trị, quảng bá, giao tiếp, mua bán, thanh toán điện tử,... được ứng dụng ngày càng nhiều và phổ biến, các tầng lớp nhân dân quan tâm và tiếp cận ngày càng đông. Các đoàn thể chính trị, xã hội từ tỉnh đến cơ sở ứng dụng tốt CNTT trong quản lý và hoạt động; ngành GDĐT đưa chương trình tin học vào hầu hết các trường phổ thông... đã góp phần tạo ra nguồn nhân lực hướng đến xã hội điện tử.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Con người là yếu tố quyết định cho sự thành công của Chính phủ điện tử, xã hội điện tử. Có công dân thông minh thì mới có đô thị thông minh, làng xã thông minh. Đặc biệt là vai trò người đứng đầu, sau đó là người sử dụng; sự vào cuộc và quyết liệt của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp,... chưa đồng đều; nhân lực xã hội (người dùng) còn thiếu hụt về kiến thức, kỹ năng trong giao tiếp và tham gia, sử dụng các dịch vụ điện tử.

- Các cơ sở dữ liệu, hệ thống quốc gia quan trọng chưa được triển khai làm nền tảng ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử nên việc triển khai các hệ thống thông tin quản lý quan trọng của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Các ứng dụng triển khai từ các Bộ, ngành Trung ương xuống đến địa phương chưa kết nối, liên thông tích hợp với trực liên thông Quốc gia nên tại địa phương cán bộ thường phải thực hiện song song cả 2 hệ thống.

- Việc sử dụng văn bản điện tử chưa đồng bộ giữa các ngành, các cấp (tài chính, kho bạc, lưu trữ,...) nên chưa phát huy hiệu quả văn bản điện tử.

- Hạ tầng CNTT của tỉnh chưa theo kịp triển khai Chính quyền điện tử.

- Chính sách thúc đẩy việc cung ứng dịch vụ, sử dụng dịch vụ và truyền thông còn hạn chế; Các chính sách quản lý chưa theo kịp nhu cầu đòi hỏi của xã hội và kích thích phát triển dịch vụ điện tử và xã hội điện tử.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN 2025

1. Mục tiêu

Triển khai đồng bộ các giải pháp trên khung nền tảng dùng chung, trong đó các lĩnh vực chính quyền điện tử, y tế, giáo dục, du lịch triển khai trên quy mô toàn tỉnh. Mở rộng cải tiến, hình thành nền tảng phân tích dữ liệu lớn, dự báo hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo tỉnh và các địa phương.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

- Đầu tư, nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chuẩn hoá và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

a) Chính quyền điện tử:

- Hoàn chỉnh trực kết nối liên thông, chia sẻ cấp tỉnh. Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với

Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% các giao dịch trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh được xác thực điện tử.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất với hệ thống thông tin các cấp chính quyền Trung ương.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 30% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Trên 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 50% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thanh toán các dịch vụ công cộng bằng thanh toán điện tử.

- Rút ngắn từ 30%-50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- Khai thác hoặc phát triển hệ thống GIS nền tỉnh An Giang, làm cơ sở triển khai các ứng dụng trên nền GIS.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin máy tính, mạng máy tính.

- Triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin cấp sở; ứng dụng CNTT trong quản lý an ninh trật tự và an toàn giao thông tại địa bàn, khu vực trọng điểm. Phát triển Trung tâm dữ liệu và điều hành thông minh của tỉnh.

b) Quy hoạch đô thị:

- 100% thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin.

- Trên 50% các hệ thống chiếu sáng công cộng được đầu tư, thay thế bằng hệ thống chiếu sáng thông minh, năng lượng mặt trời. Cùng cố công tác công bố thông tin quy hoạch trên môi trường mạng; quản lý quy hoạch được thực hiện trên nền tảng CNTT.

c) Du lịch:

Phát triển hệ thống du lịch thông minh, cung cấp thông tin điểm đến và các thông tin ăn uống, nghỉ dưỡng và các dịch vụ công cộng đến người dân và du khách; 100% CSDL về lữ hành, điểm du lịch, khu du lịch, quy hoạch,... được cập nhật vào hệ thống báo cáo ngành du lịch; 100% các điểm du lịch cung cấp hệ thống wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu kết nối của người dân, du khách; hầu hết các doanh nghiệp, công ty, dịch vụ phục vụ du khách đều có thiết bị thanh toán thẻ

cá nhân. Ứng dụng CNTT quản lý hiệu quả lưu trú; quản lý, tổng hợp báo cáo lượng khách du lịch, lưu trú tại An Giang.

d) Nông nghiệp:

Phát triển nhiều mô hình nông nghiệp thông minh để làm cơ sở khuyến khích nhân rộng và phát triển mô hình; phát triển, cập nhật CSDL kỹ thuật nông nghiệp hỗ trợ nông dân; phát triển hệ thống quản lý chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

đ) Giao thông:

Hạ tầng giao thông được quản lý bằng ứng dụng CNTT; người dân phản ánh các sự cố về hạ tầng giao thông trên môi trường mạng; phát triển Trung tâm quản lý về tình hình giao thông và xử phạt vi phạm giao thông trên địa bàn.

e) Quản lý môi trường:

Ứng dụng giải pháp thu thập thông tin môi trường, phân tích và cảnh báo tình hình ô nhiễm và sạt lở.

g) An ninh - Quốc phòng:

Phát triển Trung tâm quản lý điều hành thông minh về tình hình an ninh trật tự; giám sát an ninh biên giới qua hệ thống camera.

h) Y tế:

Hình thành ít nhất 01 Bệnh viện kiểu mẫu thực hiện 03 không (Không xếp hàng, không giấy và không thanh toán tiền mặt) để tuyên truyền và nhân rộng mô hình; hệ thống báo cáo dịch bệnh ngành y tế đồng bộ với các ứng dụng quản lý khám và chữa bệnh.

i) Giáo dục và Đào tạo:

Phát triển ít nhất 01 Trường học thông minh kiểu mẫu, để tuyên truyền và nhân rộng mô hình; Tin học ứng dụng và an toàn thông tin được lồng ghép và nội dung dạy tin học tại các cấp học.

k) Các lĩnh vực khác theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

Ứng dụng CNTT trong quản lý dữ liệu chuyên ngành các sở, ngành và địa phương.

2. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Đề án An Giang điện tử, đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

- Chỉ đạo ngành thông tin và truyền thông có các kế hoạch phối hợp liên ngành nhằm hướng tới An Giang điện tử và nguồn nhân lực cho xã hội điện tử.

- Phát triển Trung tâm tiếp nhận và phúc đáp ý kiến phản ánh của người dân, doanh nghiệp với vai trò là kênh giao tiếp trực tuyến với người dân, du khách,...

- Phát triển Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh tỉnh An Giang.

- Phát triển Hệ thống báo cáo tổng hợp của tỉnh.

- Khái thác hoặc phát triển Đề án “Hệ thống GIS nền tỉnh An Giang” làm cơ sở triển khai các ứng dụng trên nền GIS.

- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh duy trì và liên thông 4 cấp.

- Cổng dịch vụ công của tỉnh và hệ thống thông tin phần mềm một cửa duy trì đáp ứng yêu cầu người dùng và liên thông tích hợp cổng dịch vụ công quốc gia và các CSDL chuyên ngành.

- Triển khai và nhân rộng mô hình phòng họp không giấy.

- Từng sở, ngành và địa phương có kế hoạch triển khai chuyên ngành và chuyên sâu từng lĩnh vực.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước từ năm 2016 đến 31/10/2019 tại kỳ họp cuối năm 2019 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021./. *Kg*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh (200b);
- TT.UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng KGVX, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Thanh Bình